ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07 /2023/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 03 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 ngày 11 tháng 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định định mức, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 12/TTr-SXD ngày 24 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung, phương pháp xác định, mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng đối với các dự án đầu tư xây

dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

1. Nội dung chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư bao gồm:

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có);

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản;

c) Phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

2. Phương pháp xác định:

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có): chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định:

- Đối với công trình dân dụng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng **1,051%** nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán xây dựng công trình.

- Đối với công trình giao thông được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn: chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng **0,493%** nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán xây dựng công trình.

Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (công trình dân dụng và công trình giao thông áp dụng theo cơ chế đặc thù) được xác định tối thiểu không nhỏ hơn **5.000.000 đồng** (năm triệu đồng).

Đối với các công việc phát sinh ngoài các nội dung đã có trong thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có (xây dựng phần móng, xử lý nền móng) được thực hiện bằng cách lập dự toán chi tiết trên cơ sở khối lượng công việc phải thực hiện và các quy định về chế độ, chính sách do Nhà nước ban hành quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định định mức, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng **0,019%** nhân với tổng mức đầu tư dự án (áp dụng đối với công trình dân dụng và giao thông).

Điều 3. Nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ quản lý dự án

1. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án là toàn bộ các chi phí hỗ trợ để Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý xã thực hiện các công việc sau: tổ chức lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng; quản lý khối lượng, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng, tiến độ, an toàn lao động; quản lý môi trường xây dựng; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

2. Phương pháp xác định:

a) Đối với công trình xây dựng áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn bằng **1%** nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán xây dựng công trình.

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các thôn bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Nhà nước thì chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng xác định theo tỷ lệ nêu trên và nhân với hệ số điều chỉnh k = 1,35.

Điều 4. Mức hỗ trợ và nguồn vốn

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% các chi phí theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Quyết định này.

2. Nguồn vốn thực hiện: ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

b) Giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

c) Bảo đảm cân đối, bố trí đủ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ các chi phí theo mức hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ việc lập hồ sơ trong trường hợp gặp khó khăn.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực để thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc tổ chức thẩm định theo quy định.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Điều 7. Xử lý chuyển tiếp:

Các công trình thuộc danh mục dự án được áp dụng theo cơ chế đặc thù nhưng đã hoàn thành thủ tục đầu tư trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện việc quản lý công trình theo các nội dung đã được phê duyệt.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 8;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Lạng Sơn, Đài PT-TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(VAT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh